

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

#### 1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 08: Cung cấp vật tư dùng trong phẫu thuật nội soi năm 2026 của Bệnh viện A.
- Tên dự toán: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế năm 2026 của Bệnh viện A.
- Nguồn vốn thực hiện: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.
- Giá gói thầu: 4.753.527.000 đồng.
- Chủ đầu tư: Bệnh viện A.
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện A, số 400 đường Quang Trung, phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 120 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I, II năm 2026.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng.
- Tùy chọn mua thêm: 1.146.153.000 VNĐ

#### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu A. Bảng dữ liệu dự thầu về kỹ thuật	- File định dạng excel; và - File scan đính kèm (ký, đóng dấu (nếu có) hoặc ký số)		X
2	Mẫu C. Bản cam kết	Scan và đính kèm (ký, đóng dấu (nếu có) hoặc ký số)		X

##### 1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung:

##### \* Yêu cầu về tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa là thiết bị y tế:

- Đối với hàng hóa là thiết bị y tế, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh theo quy định của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về quản lý trang thiết bị y tế, Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị

định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ, cụ thể như sau:

+ Đối với thiết bị y tế loại A, B: Cung cấp số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B hoặc giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế (với hàng hóa thuộc danh mục theo Điều 6 Thông tư 05/2022/TT-BYT, được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 147 Nghị định 96/2023/NĐ-CP).

+ Đối với thiết bị y tế loại C, D: Cung cấp số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với trang thiết bị y tế thuộc loại C, D hoặc giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế (với hàng hóa thuộc danh mục theo Điều 6 Thông tư 05/2022/TT-BYT, được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 147 Nghị định 96/2023/NĐ-CP).

+ Đối với thiết bị y tế nhập khẩu theo điểm d Khoản 2 Điều 76 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung tại Điều 1 Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025: Nhà thầu kê khai rõ đối với thiết bị y tế không thuộc danh mục phải cấp phép nhập khẩu theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 và cung cấp bản phân loại thiết bị y tế thuộc loại C, D được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế.

- Đối với thiết bị y tế sản xuất trong nước: Cung cấp Số công bố (hoặc Phiếu thông tin) hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế sản xuất của nhà sản xuất hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023, Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025.

**\* Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa:**

- Tài liệu bản gốc không sử dụng tiếng Việt phải kèm bản dịch sang tiếng Việt. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính trung thực của bản dịch.

- Mẫu A, C dùng để phục vụ đánh giá về kỹ thuật hàng hóa chào thầu của nhà thầu. Yêu cầu nhà thầu phải điền đầy đủ và chính xác. Nhà thầu tự chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không làm đúng theo quy định. Việc nhà thầu cố tình kê khai thông tin không đúng với thông số kỹ thuật mà nhà sản xuất đã công bố nhằm mục đích vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.



**Nhà thầu nhập dữ liệu vào file excel mẫu A này và nộp cùng E-HSDT (trên đây là ví dụ minh họa)**

**Ghi chú: trên đây là ví dụ tham khảo**

- Các cột (0),(1),(2) (3): điền thông tin theo mục tại Chương V của E-HSMT.
  - Các cột (4), (5), (6), (7), (8), (8A), (8B), (9A) hoặc (9B), (9C), (10), (11), (12): điền thông tin của hàng hóa dự thầu. Thông tin các cột (4), (5), (6), (7), (8), (10) phải trùng với thông tin tại biểu mẫu webform, nếu có sai khác sẽ căn cứ theo thông tin tại webform.
  - Cột (9A) hoặc (9B): điền thông tin số công bố hoặc số lưu hành của hàng hóa dự thầu. Số lưu hành là Số Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực do Bộ Y tế cấp đối với loại C, D hoặc số văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B còn hiệu lực (quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021).
  - Cột (9C): điền thông tin phân loại TBYT của hàng hóa dự thầu.
  - Cột (10): điền chính xác thông tin tính năng, thông số thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu đáp ứng tương ứng với các tiêu chí yêu cầu của E-HSMT. Thông tin trống hoặc có nội dung "Đạt" hay "Đáp ứng" sẽ được xem xét là hàng hóa dự thầu không có đáp ứng đối với chỉ tiêu yêu cầu.
  - Cột (10A): Điền vị trí tài liệu mô tả Tính năng, Thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu trong E-HSDT. Điền theo định dạng [tên file tài liệu - trang số....], VD: Catalogue chạc ba - trang 5, 7, 10. Trang số ghi theo thứ tự số trang của file tài liệu (không ghi số trang đánh máy hoặc đánh tay trên bản scan).
  - Cột (11): Điền thông tin quy cách của hàng hóa dự thầu.
  - Cột (12): Điền thông tin mã vật tư y tế theo quy định hiện hành để phục vụ ánh xạ bảo hiểm.
- \* Trường hợp nhà thầu cố tình kê khai thông tin không đúng với thông số kỹ thuật mà nhà sản xuất đã công bố nhằm mục đích vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu.**

## 1.2.2. Cam kết của nhà thầu

Mẫu C

### BẢN CAM KẾT CHUNG

Công ty: .....  
Số đăng ký kinh doanh.....  
Mã định danh trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: .....  
SĐT liên hệ của người phụ trách:.....  
Địa chỉ của đơn vị: .....

Chúng tôi, [điền tên công ty], tham dự gói thầu [điền tên gói thầu] của Bệnh viện A Thái Nguyên. Chúng tôi xin cam kết về E-HSDT và công tác cung ứng hàng hoá cho Bệnh viện với các nội dung sau đây:

Hàng hóa phải đảm bảo phù hợp, có thể sử dụng trên các thiết bị hiện có của đơn vị.

Nhà thầu có cam kết sẽ chịu trách nhiệm cung cấp thiết bị, dụng cụ hỗ trợ để sử dụng hàng hóa trúng thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Cam kết cung cấp hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, đảm bảo đầy đủ số lượng, chủng loại, còn nguyên đai nguyên kiện theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.

Nhãn hàng hóa tuân thủ quy chế về nhãn hàng hóa lưu hành trên thị trường Việt Nam. Bao bì còn mới, không biến màu, không rách nát, biến dạng.

Cam kết hàng hóa khi giao đảm bảo chất lượng, được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, thông số kỹ thuật đúng với E-HSDT được chấp thuận; đảm bảo không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

- Hạn sử dụng của hàng hóa (nếu có) tính từ thời điểm cung ứng đến cơ sở y tế phải đảm bảo:

- + Tối thiểu còn  $\geq 18$  tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ 36 tháng trở lên.
- + Tối thiểu còn  $\geq 12$  tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ  $\geq 18$  tháng đến  $< 36$  tháng.
- + Tối thiểu  $\geq 08$  tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ  $\geq 12$  tháng đến  $< 18$  tháng.
- + Tối thiểu còn  $\geq 05$  tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ  $\geq 07$  tháng đến  $< 12$  tháng.
- + Tối thiểu còn  $\geq 03$  tháng đối với các mặt hàng có hạn dùng từ  $\geq 04$  tháng đến  $< 07$  tháng.
- + Tối thiểu còn  $\geq 02$  tháng đối với các mặt hàng có hạn sử dụng từ  $\geq 03$  tháng đến  $< 04$  tháng.
- + Tối thiểu còn  $\geq 01$  tháng đối với các mặt hàng có hạn sử dụng từ  $\geq 02$  tháng đến  $< 03$  tháng.
- + Đối với hàng hóa không ghi hạn sử dụng sản xuất năm 2025 trở đi.

Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền nhưng nguyên nhân không phải do lỗi Chủ đầu tư. Thời gian thu hồi trong vòng 05 ngày.

Hàng hóa do nhà thầu cung cấp hoàn toàn thích ứng và hoạt động ổn định tại điều kiện khí hậu của Việt Nam và hàng hóa không gây ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường (Trường hợp hàng hóa cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường, nhà thầu chịu có trách nhiệm thực hiện biện pháp giải quyết).

Cam kết hàng hoá dự thầu được niêm yết giá, kê khai giá phù hợp theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 07/2023/NĐ-CP, Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 và các quy định pháp luật hiện hành.

- Cam kết cung cấp trung thực và đầy đủ hồ sơ bao gồm có: Tờ khai hải quan (đối với hàng hóa nhập khẩu), hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho... và những văn bản pháp lý liên quan khác khi giao hàng.

Cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các văn bản có yếu tố nước ngoài, văn bản và catalô của nhà sản xuất. Trong trường hợp phát hiện tài liệu có sai lệch, nhà thầu chịu mọi trách nhiệm trước Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.

Nhà thầu cam kết xuất trình bản gốc có hợp pháp hóa lãnh sự (nếu tài liệu thuộc trường hợp bắt buộc hợp pháp hóa lãnh sự) hoặc bản sao có công chứng để Chủ đầu tư đối chiếu đối với tất cả các bản sao tài liệu khi có yêu cầu. Cam kết về tính chính xác của tất cả tài liệu do nhà thầu kê khai và cung cấp trong E-HSMT.

Trên đây là toàn bộ nội dung cam kết của Công ty chúng tôi với Bên mời thầu và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật thực hiện nghiêm túc các cam kết trên. Trong trường hợp có sai sót, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp nhận bị xử lý như đã quy định trong E-HSMT và pháp luật về đấu thầu.

\_\_\_, ngày \_\_ tháng \_\_ năm \_\_

**Người cam kết**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

*[Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu]*

### 1.2.3. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

- Tài liệu kỹ thuật miêu tả các đặc tính, thông số kỹ thuật của chủng loại hàng hóa và Nhà thầu phải đánh dấu (highlight) vào các thông số cụ thể để chứng minh thông số kỹ thuật dự thầu. Đối với các tài liệu tra cứu được trên trang Web điện tử của Hãng sản xuất, Nhà thầu phải cung cấp kèm đường Link tra cứu và chụp màn hình nội dung trang Web nộp cùng E-HSDT.
- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu của E-HSMT.
- Trường hợp Nhà thầu chào hàng hoá với tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu của E-HSMT thì Nhà thầu cần cung cấp nghiên cứu, trích dẫn nguồn (VD website) tham chiếu của tài liệu nghiên cứu hoặc xác nhận của Cơ quan, tổ chức đánh giá độc lập và thuyết minh tính ưu việt, tốt hơn tương ứng.

**Bảng yêu cầu kỹ thuật**

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
1	Phần 1: Vật tư phẫu thuật nội soi ổ bụng (19 mặt hàng)		
1.1		Clip kẹp cắt mô các cỡ	Chất liệu: Titanium, các cỡ S, M, ML, L
1.2		Clip kẹp mạch máu các cỡ	Chất liệu: Polymer; Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô, không hấp thụ; không cản quang khi chụp X-quang; không gây nhiễu trong MRI. Các cỡ ML, L, XL
1.3		Dây dẫn siêu âm dùng cho mổ nội soi.	Sử dụng $\geq 95$ lần, tương thích với dây dao siêu âm mổ nội soi và sử dụng được với hệ thống dao mổ siêu âm GEN11 (Harmonic)
1.4		Dây dẫn siêu âm dùng cho tay dao siêu âm mổ mở	Sử dụng $\geq 95$ lần, tương thích và sử dụng được với tay dao mổ siêu âm mổ mở. Tương thích và sử dụng được với hệ thống dao mổ siêu âm GEN11 (Harmonic)
1.5		Dụng cụ phẫu thuật cắt trĩ Longo	Chất liệu: Titanium; Có 2 hàng Ghim Titan chứa 34 ghim; Có khóa an toàn tự động
1.6		Lưới điều trị thoát vị bẹn 6cm x 11cm	Chất liệu Polypropylene, kích thước 6 x 11 cm
1.7		Lưới điều trị thoát vị bẹn 10cm x 15cm	Chất liệu Polypropylene, kích thước 10 x 15 cm
1.8		Tay dao mổ siêu âm nội soi 36cm	Tay cầm dạng súng. Đầu cong, cán xoay linh hoạt 360 độ. Đường kính cán dao 5mm; Tương thích với dây dao

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
			siêu âm mô nội soi và sử dụng được với hệ thống dao mổ siêu âm GEN11 (Harmonic)
1.9		Tay dao mổ siêu âm nội soi 23cm	Tay cầm dạng súng. Đầu cong, cán xoay linh hoạt 360 độ. Đường kính cán dao 5mm; Tương thích với dây dao siêu âm mô nội soi và sử dụng được với hệ thống dao mổ siêu âm GEN11 (Harmonic)
1.10		Tay dao siêu âm mô mở 9cm	Tay cầm dạng kéo, đầu cong; Tương thích với dây dao siêu âm mô mở và sử dụng được với hệ thống dao mổ siêu âm GEN11 (Harmonic)
1.11		Tay dao siêu âm mô mở 17cm	Tay cầm dạng kéo, đầu cong; Tương thích với dây dao siêu âm mô mở và sử dụng được với hệ thống dao mổ siêu âm GEN11 (Harmonic)
1.12		Bộ nong nhựa kèm amplatzer dùng trong tán sỏi thận qua da các loại, các cỡ	Bộ nong thận tán sỏi qua da, tối thiểu bao gồm: - Que nong thận các cỡ 8/10/12/14/16/18 Fr. - 01 vỏ que nong cỡ 18Fr - Kim chọc - 01 dây dẫn đường 0.035" đầu cong J, dài 80 cm. - Tiêu chuẩn: CE hoặc tương đương
1.13		Ống thông niệu quản	- Đường kính ống thông niệu quản các cỡ 4,7Fr; 6Fr; 7Fr; 8Fr, chiều dài 08cm - 30cm. - Chiều dài que đẩy 45cm. Bao gồm: Ống thông niệu quản/Sonde JJ có chỉ + Que đẩy
1.14		Dây dẫn đường dùng đặt ống thông niệu quản, loại thẳng.	- Đường kính 0,035", chiều dài 150cm - Nguyên liệu: Nitinol đầu phủ hydrophilic
1.15		Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da	Bộ khăn tán sỏi qua da - 01 khăn có keo 80 x 150cm - 01 khăn gói 80 x 100cm - 02 khăn thấm 30 x 40cm - 01 khăn mổ thận lấy sỏi 200 x 270cm
1.16		Ống thông niệu quản	Đường kính 6 CH, dài 70cm
1.17		Dụng cụ nội soi niệu quản ống mềm	Đường kính ngoài $\geq 7.5\text{Fr}$ , có kênh làm việc $\geq 3.6\text{Fr}$ , chiều dài làm việc $\geq 680\text{mm}$ , độ phân giải $\geq 160.000$ pixel, gập lên và xuống $\geq 270$ độ
1.18		Bộ vỏ đặt ống soi mềm các cỡ	Các cỡ đường kính 11Fr, 12Fr, dài 35cm, 45cm
1.19		Rọ lấy sỏi	Đường kính 3Fr, dài $\geq 90\text{cm}$
2	Phần 2: Vật tư thay thế dùng cho phẫu thuật nội soi (28 mặt hàng)		
2.1		Hàm kẹp lưỡng cực	Hàm bán rộng 3 mm, cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm
2.2		Vỏ trong cho dụng cụ lưỡng cực	Cỡ 5mm, chiều dài 33 cm
2.3		Vỏ ngoài cho dụng cụ lưỡng cực	Cỡ 5mm, chiều dài 33 cm
2.4		Vỏ ngoài kim loại cho dụng cụ nội soi	Vỏ ngoài, bằng kim loại, có bọc cách điện, có đầu nối khóa Luer để tưới rửa vệ sinh. Cỡ 5 mm, dài 36 cm

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
2.5		Điện cực phẫu tích và cầm máu	Đầu hình chữ L, vỏ bọc cách điện, có chân cắm đốt điện đơn cực. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
2.6		Nắp cao su dùng cho trocar (cỡ 11 mm)	Nắp cao su dùng cho trocar cỡ 11 mm
2.7		Nắp cao su dùng cho trocar (cỡ 6 mm)	Nắp cao su dùng cho trocar cỡ 6 mm
2.8		Lưỡi kéo dạng móc	Lưỡi kéo dạng móc, phần hàm dụng cụ dài 10 mm, hoạt động đơn. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
2.9		Nắp cao su dùng cho trocar (cỡ 3.5 mm)	Nắp cao su dùng cho trocars cỡ 3.5 mm
2.10		Tay cầm Clickline có khóa	Tay cầm Clickline, bằng nhựa, có khóa, có chân cắm đốt điện đơn cực
2.11		Van trocar đa chức năng (cỡ 11mm)	Van trocar đa chức năng cỡ 11mm, có thể mở bằng tay hoặc mở tự động
2.12		Van trocar đa chức năng (cỡ 6 mm)	Van trocar đa chức năng cỡ 6 mm, có thể mở bằng tay hoặc mở tự động
2.13		Tay cầm Clickline không khóa	Tay cầm Clickline, bằng nhựa, không khóa, có chân cắm đốt điện đơn cực
2.14		Ống tưới hút dịch	Bề mặt chống lóa, có lỗ bên hông, van khóa điều khiển bằng một tay, cỡ 5 mm, dài 36 cm
2.15		Vỏ ngoài cỡ 15 mm	Vỏ ngoài, đường kính 15 mm, có khóa LUER để vệ sinh
2.16		Hộp tiết trùng và bảo quản dụng cụ	Hộp tiết trùng và bảo quản dụng cụ, có đục lỗ, nắp trong suốt, 02 tầng, kích thước: 530 x 250 x 145 mm
2.17		Vỏ đặt ống soi cắt loại xoay được	Cỡ 26 Fr, có đường dịch vào và ra để tưới rửa liên tục. Vỏ trong xoay được cách điện bằng sứ
2.18		Dây cao tần đơn cực	Chân cắm cỡ 4 mm, chiều dài 3 m
2.19		Dây cao tần lưỡng cực	Chiều dài 3 m, hai chân cách nhau 22 mm
2.20		Hàm forceps kẹp Clickline	Nhiều răng, hàm rộng 4.8 mm, dài 14 mm, hoạt động đơn. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
2.21		Hàm forceps kẹp và phẫu tích Clickline KELLY	Hàm dài 22 mm, hoạt động kép. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
2.22		Hàm forceps kẹp Clickline, có mở lỗ	Có răng cưa không gây tổn thương, hàm dài 26 mm, mở cửa sổ, hoạt động đơn. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm.
2.23		Lưỡi kéo cong Clickline	Lưỡi kéo cong Clickline, hàm hoạt động kép, có răng cưa, hàm dài 20 mm. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
2.24		Kìm kẹp kim	Hàm cong trái, có khóa hãm. Cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm
2.25		Bàn chải vệ sinh dụng cụ	Bàn chải vệ sinh dụng cụ, dùng cọ rửa phần hàm của dụng cụ
2.26		Vỏ trong của vỏ đặt ống soi cắt tuyến tiền liệt	Vỏ trong, xoay được, có bọc cách điện bằng sứ, sử dụng với vỏ ngoài của vỏ đặt ống soi cắt.
2.27		Hàm forceps	Hàm forceps kẹp Clickline, phần hàm dụng cụ dài 35 mm, hoạt động đơn, dạng móng vuốt, có 2x3 răng. Cỡ 10 mm, chiều dài 36 cm
2.28		Ống soi quang học	Hướng nhìn 0 độ, đường kính 3mm dài 14 cm, hấp tiết trùng được. Ống soi dùng để chẩn đoán, phẫu thuật, điều trị mũi, xoang mũi và sử dụng cho phẫu thuật nội soi tai giữa.
3	Phần 3: Vật tư sử dụng cho		

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản
	máy Laser (05 mặt hàng)		
3.1		Dây dẫn tia Laser (550 $\mu$ m)	- Dây dẫn tia laser sử dụng nhiều lần, có thể khử trùng được, dài 3m, lõi quang học 550 micron tương thích với máy Sphinx Jr 30W - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC hoặc tương đương
3.2		Dây dẫn tia Laser (800 $\mu$ m)	- Dây dẫn tia laser sử dụng nhiều lần, có thể khử trùng được, dài 3m, lõi quang học 800 micron, tương thích với máy Sphinx Jr 30W - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC hoặc tương đương
3.3		Kính lọc tia Laser (tương thích với máy laser Sphinx Jr 30W)	- Kính lọc của hệ thống máy Laser là 1 phụ tùng/ linh kiện thay thế tương thích với máy laser Sphinx Jr 30W - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC hoặc tương đương
3.4		Dây dẫn tia Laser (272 $\mu$ m)	- Dây dẫn tia laser lõi quang học 272 micron, dài 3m, đường kính ngoài 0,42mm tương thích cho máy tán sỏi laser Cyber Ho 100 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC hoặc tương đương
3.5		Kính lọc tia Laser (tương thích với máy laser Cyber Ho 100)	- Kính lọc tia laser sử dụng cho máy tán sỏi laser Cyber Ho 100 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương

### 1.3. Các yêu cầu khác

- **QUY CÁCH E-HSDT:** Nhà thầu sắp xếp E-HSDT vào các Folder và nén thành 1 File đính kèm trên Hệ thống.

- Để không xảy ra tình trạng lỗi file khi giải nén, Nhà thầu vui lòng **đặt tên File hoặc Folder theo tiếng Việt không có dấu.**

- Đối với nhà thầu Liên danh: Nhà thầu chỉ đổi phần “**Tennhathau**” theo tên của các thành viên liên danh và đính kèm các tài liệu dự thầu của riêng từng thành viên theo phần công việc đảm nhận đã quy định tại Thỏa thuận liên danh.

### Mục 2. Bản vẽ

### Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Nội dung kiểm tra: Kiểm tra chi tiết từng mặt hàng về chủng loại, số lượng, chất lượng theo đúng yêu cầu nêu trong hợp đồng.

- Việc kiểm tra, thử nghiệm phải được tiến hành tại Bệnh viện A. Địa chỉ: Đường Quang Trung, Phường Quyết Thắng, tỉnh Thái Nguyên và được tiến hành trước khi bàn giao. Toàn bộ chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm do nhà thầu chịu.

- Trường hợp hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm thì nhà thầu phải thay mới và phải chịu mọi chi phí phát sinh cho việc thay thế theo đúng các quy định đã nêu trong mục E-ĐKC 21.

- Thời gian kiểm tra: Ngay sau khi hàng hoá được giao tới địa điểm nhận của chủ đầu tư.